

Bản án số: 416/2018/DS-ST

Ngày: 27/4/2018

V/v: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng trả góp”.

NHÂN DANH

**NUỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 3 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Nhân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Xuân Mai
2. Bà Đặng Thị Ngọc Hằng

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hoa là Thư ký Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Bích Phượng – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 4 năm 2018 tại phòng xử án Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1131/2016/TLST-DS ngày 21 tháng 10 năm 2016 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng trả góp theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2018/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 3 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 59/2018/QĐST-DS ngày 30/3/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng AC

Trụ sở: Đường A, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông A theo giấy ủy quyền số 1124/UQ-QLN.17 ngày 15/12/2017.

Địa chỉ: Đường B, Phường N, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Ông B, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Đường C, Phường M, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà C,

sinh năm 1985.

Địa chỉ: Đường N, huyện X, tỉnh Long An

(Bị đơn ông B và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà C vắng mặt.)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 21/7/2016 và trong quá trình tham gia tố tụng giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông A trình bày: Ngân hàng AC – Phòng giao dịch Thạch Đà (gọi tắt Ngân hàng hoặc AC) và ông B có ký hợp đồng tín dụng trả góp (Dùng cho vay tiêu dùng tín chấp-VND) số TDA.UIL.01.130813, số tài khoản vay 164361319 ngày 13/8/2013 với nội dung sau: Số tiền vay 60.000.000 đồng, toàn bộ số tiền vay (nợ gốc) được giải ngân một lần ngay khi ký HĐTD bằng cách chuyển toàn bộ số tiền vay vào tài khoản tiền gửi tại AC chi tiết sau: Tên tài khoản B, số tài khoản tiền gửi 164408449, thời hạn vay 60 tháng kể từ bên vay nhận tiền vay, mục đích vay: Tiêu dùng tín chấp – Hỗ trợ tiêu dùng – Tiêu dùng, lãi suất trong hạn là 1,02%/ tháng (tính theo số tiền vay ban đầu), lãi suất quá hạn 150 % lãi suất trong hạn, số tiền phạt của một kỳ trễ hạn là 200.000 đồng.

Khoản vay nêu trên được bảo đảm bằng biện pháp bảo đảm như sau: Cam kết về việc trả nợ của bà C ngày 13/8/2013 theo đó bà C đồng ý cùng trả nợ với ông B với AC khi ông B không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả. Nghĩa vụ trả nợ bao gồm toàn bộ nghĩa vụ bên được cấp tín dụng với AC (bao gồm gốc, lãi, lãi trong hạn, lãi quá hạn, phí các khoản phải trả khác). Số nợ gốc cam kết cùng trả tại một thời điểm không vượt quá 60 triệu đồng.

Sau khi, Ngân hàng giải ngân cho ông B số tiền vay 60.000.000 đồng thì hàng tháng ông B phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng nợ gốc 1.000.000 đồng và tiền lãi 612.000 đồng/tháng vào ngày 13 hàng tháng theo thông báo lịch trả nợ vay ngày 13/8/2013. Trong quá trình vay từ ngày 12/9/2013 cho đến ngày 30/9/2014 ông B có trả được cho Ngân hàng nợ gốc số tiền là 10.000.000 đồng và tiền lãi số tiền là 7.956.000 đồng và tiền phạt do chậm thanh toán số tiền là 1.600.000 đồng.

Do ông B vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng không đúng vào ngày 13 hàng tháng, nên Ngân hàng đã ra thông báo chuyển khoản nợ quá hạn đối với khoản nợ của ông B.

Từ ngày 13/10/2014 ông B vẫn vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng. Nên ngày 05/11/2014 Ngân hàng đã thông báo thu hồi nợ trước hạn và 05/12/2014 Ngân hàng đã chuyển toàn bộ số nợ vay còn thiếu sang nợ quá hạn. Do ông B vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông B phải trả nợ 01 lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật như sau:

Nợ gốc : 50.000.000 đồng

Lãi trong hạn : 1.672.800 đồng

Lãi quá hạn tạm tính từ ngày 05/12/2014 đến ngày 12/02/2018 : 29.707.500 đồng.

Ngoài ra, ông B còn phải tiếp tục trả lãi theo mức lãi suất quá hạn trên số nợ gốc của hợp đồng nêu trên cho đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng. Đồng thời yêu cầu Tòa án buộc bà C liên đới thực hiện việc trả nợ theo giấy cam kết trả nợ ký ngày 13/8/2013.

Đối với khoản tiền phạt do trễ thanh toán số tiền 400.000 đồng thì Ngân hàng rút yêu cầu này và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Năm 2015, Ngân hàng khởi kiện ông B tại Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản và Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh đã đình chỉ vụ án với lý do chưa đủ điều kiện khởi kiện vì ông B đi khỏi địa phương.

Năm 2015, Ngân hàng có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân Quận 3 thông báo tìm kiếm ông B vắng mặt tại nơi cư trú và được chấp nhận và Ngân hàng đăng tin trên phương tiện thông tin đại chúng để tìm kiếm ông B theo Thông báo của Tòa án.

Bị đơn ông B không đến Tòa và cũng không có văn bản gửi đến Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà C trình bày tại biên bản lấy lời khai ngày 24/11/2017 như sau: Bà và ông B kết hôn và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hiệp Thạnh, huyện Châu Thành, tỉnh Long An vào năm 2011. Năm 2015 bà và ông B đã ly hôn tại Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Long An. Đối với khoản vay của ông B vay của Ngân hàng AC theo hợp đồng tín dụng trả góp số TDA.UIL.01.130813 ngày 13/8/2013 số tiền là 60.000.000 đồng. Bà xác nhận chữ ký và chữ viết trong hợp đồng tín dụng nêu trên là của ông B. Việc ông B vay tiền của Ngân hàng AC thì bà

không biết, bà cũng không nhận khoản tiền này vì Ngân hàng chuyển tiền vào tài khoản của ông B. Thực tế chưa ly hôn nhưng đã ly thân và vẫn ở Thành phố Hồ Chí Minh. Đối với Giấy cam kết về việc trả nợ ngày 13/8/2013 thì bà xác nhận đây là chữ ký và chữ viết của bà, bà chỉ ký thôi chứ nội dung Giấy cam kết bà không đọc. Qua yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng buộc ông B cùng bà C cùng có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng, bà không đồng ý vì bà không nhận tiền. Bà đề nghị Ngân hàng xem xét giảm toàn bộ tiền lãi, bà cố gắng tìm kiếm địa chỉ của ông B để cung cấp cho Tòa án. Bà đề nghị Tòa án giải quyết theo qui định của pháp luật.

Tại phiên Tòa: Đại diện nguyên đơn ông A rút 1 phần yêu cầu khởi kiện là không yêu cầu ông B trả phạt trễ thanh toán số tiền 400.000 đồng.

Ngân hàng yêu cầu Tòa án buộc ông B phải trả nợ cho Ngân hàng theo hợp đồng tín dụng trả góp số TDA.UIL.01.130813 ngày 13/8/2013 tổng cộng số tiền là 83.267.300 đồng bao gồm nợ gốc 50.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn tính từ ngày 13/9/2014 cho đến ngày 05/12/2014 là 1.672.800 đồng, tiền lãi quá hạn tính từ ngày 05/12/2014 tính đến ngày 27/4/2018 là 31.594.500 đồng, trả 01 lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Từ ngày 28/4/2018 ông B phải tiếp tục trả lãi phát sinh trên số nợ gốc chưa thanh toán cho đến khi thanh toán hết nợ cho Ngân hàng theo mức lãi suất quá hạn theo hợp đồng tín dụng trả góp nêu trên. Đồng thời yêu cầu Tòa án buộc bà C thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo Giấy cam kết ngày 13/8/2013.

Đại diện nguyên đơn giải thích: Tại đơn khởi kiện ngày 21/7/2016 và trong quá trình tham gia tố tụng giải quyết vụ án do có sự nhầm lẫn sử dụng từ ngữ nên Ngân hàng có dùng từ liên đới là không đúng nên Ngân hàng bỏ từ liên đới đối với bà C. Bản chất của Giấy cam kết về việc trả nợ ngày 13/8/2013 là biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ thay cho bên vay như nội dung đơn khởi kiện đã trình bày.

Bị đơn ông B vắng mặt và không có văn bản gửi đến Tòa án thể hiện ý kiến đối với yêu cầu về phạm vi khởi kiện của Ngân hàng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà C vắng mặt nên không có ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 3 phát biểu: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án theo đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về thẩm quyền giải quyết do các đương sự thỏa thuận Tòa án nơi AC có trụ sở chính giải quyết khi có

tranh chấp hợp đồng. Trụ sở chính của AC tại địa chỉ Đường A, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh, nên Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết là đúng thẩm quyền. Ý kiến về việc giải quyết vụ án thì đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đình chỉ việc nguyên đơn không yêu cầu bị đơn ông B phải trả số tiền phạt trễ thanh toán số tiền 400.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Xét yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng AC khởi kiện ông B phải trả số tiền vay và tiền lãi còn thiếu phát sinh tranh chấp từ hợp đồng tín dụng trả góp ngày 13/8/2013 được qui định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Căn cứ theo Quyết định số: 14/2015/QĐDS-ST ngày 31/12/2015 của Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh chấp nhận yêu cầu giải quyết việc dân sự của Ngân hàng AC thông báo tìm kiếm ông B vắng mặt tại nơi cư trú cuối cùng tại địa chỉ số Đường C, Phường M, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh. và tại mục thông tin quảng cáo số 32,33,34 của Báo Pháp luật Việt Nam của các ngày 01/02/2016, ngày 02/02/2016, ngày 03/02/2016 thì Ngân hàng đã đăng tin tìm kiếm ông B theo thông báo của Tòa án Quận 3 ban hành. Và tại khoản 9.5 Điều 9 của Các điều kiện về việc cấp tín dụng và áp dụng biện pháp bảo đảm tại Ngân hàng AC với ông B có thỏa thuận như sau: “ ...*Trường hợp Bên vay vi phạm nghĩa vụ thông báo về sự thay đổi địa chỉ thường trú, địa chỉ tạm trú, nơi cư trú theo qui định tại Điều 6 Hợp đồng này và/hoặc đã gạch tên khỏi hộ khẩu và/hoặc xuất cảnh quá sáu tháng mà không thông báo địa chỉ, nơi cư trú mới, Bên vay được xem là dấu địa chỉ nhằm trốn tránh nghĩa vụ trả nợ. Trong trường hợp này, nơi cư trú nêu tại văn bản này, tại các hợp đồng cấp tín dụng, hợp đồng bảo đảm là nơi cư trú cuối cùng của Bên vay. AC được quyền yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt, bên vay chấp nhận việc Tòa xét xử vụ án vắng mặt, kể cả trường hợp không lấy được lời khai của Bên vay...*”, và theo kết quả xác minh của Công an Phường M, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh như sau: “*Ông B, sinh năm 1986, có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ số Đường C, Phường M, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh. nhưng hiện không thực tế cư ngụ tại địa phương, gia đình đã bán nhà đi ở nơi khác từ năm 2000, hiện ở đâu không*

rõ”, thì Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh tiến hành thụ lý và giải quyết vụ án theo thủ tục chung được qui định tại điểm e khoản 1 Điều 192 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[1.3] Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự và tại khoản 9.5 Điều 9 của Các điều kiện về việc cấp tín dụng và áp dụng biện pháp bảo đảm tại Ngân hàng AC với ông B thỏa thuận như sau: “ *Trong quá trình thực hiện hợp đồng này, nếu có tranh chấp, thì tranh chấp sẽ do Tòa án nhân dân nơi AC có trụ sở chính giải quyết*”, vậy đối chiếu với Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần của Ngân hàng AC có trụ sở chính tại số Đường A, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh thì vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng trả góp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

[1.4] Bị đơn ông B và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà C đã được Tòa án thông báo Thông báo về việc thụ lý vụ án, Giấy triệu tập và Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo qui định tại Điều 196, 208 và Điều 210 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.5] Bị đơn ông B và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà C đã được triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng không có mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông B và bà C theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về các yêu cầu của nguyên đơn, xét:

[2.1] Đối với yêu cầu Ngân hàng rút một phần yêu cầu khởi kiện buộc ông B trả số tiền phạt trễ thanh toán là 400.000 đồng. Xét thấy, việc rút yêu cầu này là hoàn toàn tự nguyện, căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217 và khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì Hội đồng xét xử đình chỉ đối với yêu cầu này của Ngân hàng. Nếu sau này, Ngân hàng khởi kiện lại và thời hiệu khởi kiện vẫn còn thì sẽ giải quyết bằng vụ kiện khác. Ngân hàng không phải chịu án phí đối với yêu cầu đã đình chỉ xét xử.

[2.2] Đối với yêu cầu Ngân hàng buộc ông B phải trả cho Ngân hàng theo hợp đồng tín dụng trả góp số TDA.UIL.01.130813 ngày 13/8/2013 tổng cộng số tiền là 83.267.300 đồng bao gồm nợ gốc 50.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn tính từ ngày 13/9/2014 cho đến ngày 05/12/2014 là 1.672.800 đồng, tiền lãi quá hạn tính từ ngày 05/12/2014 tính đến ngày 27/4/2018 là 31.594.500 đồng trả 01 lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật. Đồng thời yêu

cầu Tòa án buộc bà C thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo Giấy cam kết ngày 13/8/2013 thì Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[2.2.1] Về nợ gốc:

Căn cứ vào hợp đồng tín dụng trả góp (Dùng cho vay tiêu dùng tín chấp-VND) số TDA.UIL.01.130813, số tài khoản vay 164361319 ngày 13/8/2013 được ký kết giữa Ngân hàng AC– PGD Thạch Đà với ông B với nội dung sau: Số tiền vay 60.000.000 đồng, toàn bộ số tiền vay (nợ gốc) được giải ngân một lần ngay khi ký HĐTD bằng cách chuyển toàn bộ số tiền vay vào tài khoản tiền gửi tại AC chi tiết sau: Tên tài khoản B, số tài khoản tiền gửi 164408449, thời hạn vay 60 tháng kể từ bên vay nhận tiền vay, mục đích vay: Tiêu dùng tín chấp – hỗ trợ tiêu dùng – Tiêu dùng, lãi suất trong hạn là 1,02%/ tháng (tính theo số tiền vay ban đầu), lãi suất quá hạn 150 % lãi suất trong hạn;

Căn cứ vào thông báo lịch trả nợ vay ngày 13/8/2013, thì ông B phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền góp bao gồm nợ gốc và lãi đúng vào ngày 13 hàng tháng trong đó vốn gốc 1.000.000 đồng và lãi 612.000 đồng và nếu không thanh đúng hạn khi đến kỳ trả nợ thì phải chịu mức phạt số tiền 200.000 đồng;

Căn cứ vào Giấy trích lục kết hôn ngày 30/11/2017 do Ủy ban nhân dân xã Hiệp Thạnh, tỉnh Long An cung cấp do Tòa án thu thập thì bà C và ông B đăng ký kết hôn vào ngày 28/3/2011;

Căn cứ vào lời khai ngày 24/11/2017 của bà C xác nhận ông B vay của Ngân hàng AC theo hợp đồng tín dụng trả góp số TDA.UIL.01.130813 ngày 13/8/2013 số tiền là 60.000.000 đồng và chữ ký và chữ viết trong hợp đồng tín dụng trả góp trên là của ông B;

Căn cứ vào sao kê tài khoản của ông B số 164408449 thì ngày 13/8/2013 Ngân hàng đã giải ngân cho ông B số tiền vay 60.000.000 đồng đồng thời lời khai ngày 24/11/2017 của bà C cũng xác nhận Ngân hàng cũng chuyển khoản vay này vào tài khoản của ông B;

Theo Các điều kiện về việc cấp tín dụng và áp dụng biện pháp bảo đảm tại Ngân hàng AC qui định tại khoản 2.2 Điều 2 về kỳ hạn trả nợ hàng tháng như sau: “ ... Bên vay phải thanh toán tiền góp (bao gồm gốc và lãi, sau đây gọi là nợ vay) hàng tháng AC. Ngày trả nợ tương ứng ngày nhận tiền...”; Và Điều 3 qui định thu hồi nợ trước hạn như sau: “ AC có quyền chấm dứt việc cho vay, thu hồi nợ trước hạn tất cả các khoản vay của bên vay trong các trường hợp sau :..Bên vay vi phạm hợp đồng tín dụng..” ;

Theo lời trình bày của đại diện Ngân hàng về việc ông B vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thì đối chiếu các điều khoản của Hợp đồng trả góp ngày 13/8/2013 và thông báo lịch trả nợ vay ngày 13/8/2018 giữa Ngân hàng và ông B ký kết thì vào ngày 13 hàng tháng ông B phải trả gốc và lãi cho Ngân hàng bắt đầu từ ngày 13/8/2013 cho đến ngày 13/8/2018 là thời hạn cuối cùng của ông B trả nợ. Đối chiếu bản sao kê giao dịch tài khoản vay về việc ông B trả nợ do Ngân hàng nộp thì ông B thực hiện không đúng vào ngày 13 hàng tháng thanh toán cho Ngân hàng. Theo bản sao kê giao dịch tài khoản này tính từ ngày 13/8/2013 cho đến ngày 30/9/2014 thì ông B trả cho Ngân hàng số nợ gốc 10.000.000 đồng, lãi 7.956.000 đồng và phạt 1.600.000 đồng là ông B đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng được quy định tại Điều 471 và khoản 1 Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005 “ *Bên vay tài sản là tiền phải trả đủ tiền khi đến hạn;...*”;

Vì vậy, từ những căn cứ và quy định pháp luật như đã viện dẫn nêu trên thì đã đủ cơ sở xác định ông B đã được Ngân hàng cho vay mà vi phạm nghĩa vụ trả nợ không đúng thời hạn nên việc Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông B phải trả hết số nợ gốc 50.000.000 đồng trước hạn có cơ sở chấp nhận.

[2.2.2] Về nợ lãi

Căn cứ vào khoản 5 Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005 và khoản 2 Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 quy định như sau: “ *Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật.*”, đối chiếu với hợp đồng tín dụng trả góp ngày 13/8/2013 thì giữa Ngân hàng và ông B có thỏa thuận mức lãi suất như sau: Lãi suất trong hạn là 1,02%/tháng và lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn là phù hợp với quy định của pháp luật như đã viện dẫn;

Theo Các điều kiện về việc cấp tín dụng và áp dụng biện pháp bảo đảm tại Ngân hàng AC quy định tại Điều 3 về việc thu hồi nợ trước hạn như sau: “... *Sau 30 ngày kể từ ngày AC thông báo thu hồi nợ trước hạn mà bên vay không thanh toán đủ nợ vay (bao gồm nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn, phí và các khoản phải trả khác), AC chuyển toàn bộ dư nợ sang nợ quá hạn và áp dụng các biện pháp xử lý theo quy định của pháp luật để thu hồi nợ vay, các chi phí có liên quan*” và tại khoản 4.4 Điều 4 quy định về việc chuyển nợ quá hạn và tính lãi quá hạn như sau: “ *... Trong trường hợp AC thu hồi nợ trước hạn các khoản vay chưa thanh toán của bên vay, sau 30 ngày kể từ ngày AC thông báo thu hồi nợ trước hạn mà bên vay không thanh toán đủ nợ*

vay, toàn bộ dư nợ gốc chuyển sang nợ quá hạn và chịu mức lãi suất bằng 150% lãi suất vay trong hạn”;

Căn cứ vào thông báo chuyển nợ quá hạn ngày 14/7/2014 và thông báo thu hồi nợ trước hạn ngày 05/11/2014 của Ngân hàng thì đối chiếu sao kê giao dịch tài khoản vay mà ông B trả nợ thì ông B đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo Thông báo lịch trả nợ vay ngày 13/8/2013. Vì vậy, Ngân hàng yêu cầu ông B phải trả tiền lãi trong hạn tính từ ngày 13/9/2014 đến ngày 05/12/2014 với mức lãi suất 1.02%/tháng số tiền là 1.672.800 đồng và lãi suất quá hạn tính từ ngày 05/12/2014 tính đến ngày 27/4/2018 với mức lãi suất 1.53%/tháng số tiền là 31.594.500 đồng là phù hợp với qui định của pháp luật nên có cơ sở để chấp nhận.

[2.2.3] Yêu cầu buộc bà C thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo Giấy cam kết về việc trả nợ ngày 13/8/2013.

Căn cứ vào hợp đồng tín dụng trả góp ngày 13/8/2013 được ký kết giữa Ngân hàng AC– PGD Thạch Đà và ông B với nội dung sau: Số tiền vay 60.000.000 đồng, mục đích vay: Tiêu dùng tín chấp – hỗ trợ tiêu dùng – Tiêu dùng thì đối chiếu với lời khai của bà C trình bày ngày 24/11/2017 bà C xác nhận ông B có ký hợp đồng tín dụng trả góp để vay số tiền 60 triệu đồng và khoản vay này Ngân hàng chuyển khoản cho ông B, tại thời điểm vay thì bà C và ông B đang là vợ chồng hợp pháp là phù hợp với tài liệu chứng cứ theo Giấy trích lục kết hôn 30/11/2017 do Ủy ban nhân dân xã Hiệp Thạnh, tỉnh Long An cung cấp cho Tòa;

Căn cứ lời khai của bà C ngày 24/11/2017 là bà C thừa nhận có ký xác nhận Giấy cam kết về việc trả nợ ngày 13/8/2013 nhưng không đọc nội dung Giấy cam kết. Qua yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng buộc ông B cùng bà C cùng có trách nhiệm liên đới trả nợ cho Ngân hàng, bà C không đồng ý vì bà C không nhận tiền. Bà C đề nghị Ngân hàng xem xét giảm toàn bộ tiền lãi, bà C cố gắng tìm kiếm địa chỉ của ông B để cung cấp cho Tòa án. Bà C đề nghị Tòa án giải quyết theo qui định của pháp luật và bà C có giao nộp tài liệu chứng cứ là Quyết định Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 71/2015/QĐST-HNGĐ ngày 04/6/2015 do Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Long An ban hành;

Theo nội dung Giấy cam kết về việc trả nợ ngày 13/8/2013 do bà C cam kết với Ngân hàng về nghĩa vụ trả nợ như sau: “ 1. Nghĩa vụ trả nợ : Bao gồm toàn bộ các nghĩa vụ trả nợ của Bên được cấp tín dụng với AC gồm nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn, theo các hợp đồng tín dụng...; Các nghĩa vụ

trả nợ là các nghĩa vụ của bên được cấp tín dụng với AC bao gồm cả các nghĩa vụ phát sinh trước hoặc sau thời điểm ký cam kết này. Số nợ gốc tại thời điểm không vượt quá 60.000.000 đồng. Bên cam kết chấp nhận nội dung tất cả các điều khoản trong các hợp đồng tín dụng...;

2. Trách nhiệm của bên cam kết: - Bên cam kết đồng ý cùng trả nợ với bên được cấp tín dụng theo đúng kỳ hạn và các nội dung khác của hợp đồng tín dụng, phụ lục hợp đồng, kế ước nhận nợ và các cam kết khác của bên được cấp tín dụng với AC.”;

- Bên cam kết đồng ý trả thay cho bên được cấp tín dụng các khoản nợ của bên được cấp tín dụng với AC khi bên được cấp tín dụng không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ.”, thì việc bà C cam kết đồng ý trả thay cho ông B các khoản nợ cho Ngân hàng khi ông B không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ là phù hợp với các Điều 318, 319, 361, 362 và Điều 363 của Bộ luật Dân sự năm 2005 qui định. Từ những căn cứ đã viện dẫn và qui định pháp luật thì yêu cầu của Ngân hàng buộc bà C thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo Giấy cam kết về việc trả nợ ngày 13/8/2013 là có cơ sở nên chấp nhận.

Như đã nhận định ở phần trên, thì việc bà C cho rằng bà C có ký vào Giấy cam kết nhưng không đọc nội dung giấy cam kết là do lỗi của bà C. Vì vậy, bà C phải chịu trách nhiệm và thực hiện đúng nội dung Giấy cam kết về việc trả nợ ngày 13/8/2013, nên việc bà C không đồng ý việc trả nợ thay cho ông B là không có cơ sở để chấp nhận.

[3] Về án phí Dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 27 Pháp lệnh về Án phí, lệ phí Tòa án năm 2009 thì ông B phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu Ngân hàng được chấp nhận là 4.163.365 đồng.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm e khoản 1 Điều 192, Điều 196, Điều 208, Điều 210, điểm c khoản 1 Điều 217, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 2 Điều 244 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 318, Điều 319, Điều 361, Điều 362, Điều 363, Điều 471, khoản 1 và khoản 5 Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005;

Áp dụng khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Áp dụng khoản 2 Điều 27 Pháp lệnh về Án phí, lệ phí Tòa án của Ủy Ban thường vụ Quốc hội và khoản 2, Mục 1 của Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án (Ban hành kèm theo Pháp lệnh Án phí, lệ phí Tòa án) năm 2009.

Áp dụng Luật Thi hành án dân sự năm 2014.

Tuyên xử :

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Đình chỉ đối với yêu cầu của Ngân hàng AC buộc ông B phải trả số tiền phạt 400.000 đồng, nếu có tranh chấp thì có quyền khởi kiện lại theo qui định của pháp luật.

Buộc ông B trả cho Ngân hàng AC tổng cộng số tiền 83.267.300 đồng bao gồm nợ gốc 50.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn tính từ ngày 13/9/2014 cho đến ngày 05/12/2014 là 1.672.800 đồng, tiền lãi quá hạn tính từ ngày 05/12/2014 tính đến ngày 27/4/2018 là 31.594.500 đồng của hợp đồng tín dụng trả góp số TDA.UIL.01.130813 ngày 13/8/2013.

Việc trả tiền được thực hiện một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày 28/4/2018, ông B còn phải tiếp tục trả lãi phát sinh trên số nợ gốc chưa thanh toán cho Ngân hàng AC, theo mức lãi suất quá hạn mà các bên thỏa thuận được quy định tại hợp đồng tín dụng trả góp số TDA.UIL.01.130813 ngày 13/8/2013 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

Nếu đến thời hạn trả nợ nêu trên mà ông B không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng AC theo hợp đồng tín dụng trả góp số TDA.UIL.01.130813 ngày 13/8/2013, thì bà C phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng AC thay cho ông B bao gồm nợ gốc và lãi theo Giấy cam kết về việc trả nợ ngày 13/8/2013.

2. Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm là 4.163.365 đồng ông B phải chịu và nộp tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Hoàn trả cho Ngân hàng AC số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.676.670 đồng theo biên lai thu số 0002939 ngày 21/10/2016 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi

hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyền kháng cáo

Nguyên đơn Ngân hàng AC được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Ông B và bà C vắng mặt tại phiên Tòa thì thời hạn kháng cáo 15 ngày được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận :

- TAND TP. HCM;
- VKSND Quận 3;
- Chi cục THA Dân sự Quận 3;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thanh Nhàn